

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU**

**Báo cáo tài chính riêng đã được soát xét
Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2010
đến ngày 30 tháng 06 năm 2010**



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU

Địa chỉ: Số 70 – 72, đường Đề Thám, phường 2, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	1 – 3
2. Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính	4
3. Báo cáo tài chính đã được soát xét	
- Bảng cân đối kế toán	5 – 7
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 – 10
- Thuyết minh báo cáo tài chính	11 – 30



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU

Địa chỉ: Số 70 – 72, đường Đề Thám, phường 2, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Thương Nghiệp Cà Mau (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010 của Công ty đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ Phần Thương Nghiệp Cà Mau là Công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6103000105 đăng ký lần đầu ngày 01/12/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 15/01/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp.

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên Hội đồng quản trị đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt giai đoạn tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Bà Nguyễn Thị Việt Ánh	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- Ông Nguyễn Minh Trục	Thành viên
- Ông Lê Xuân Trinh	Thành viên
- Ông Thái Trường An	Thành viên
- Ông Phù Chí Anh	Thành viên (Bỏ nhiệm ngày 23/04/2009)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt giai đoạn tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Bà Nguyễn Thị Việt Ánh	Tổng Giám đốc
- Ông Thái Trường An	Phó Tổng Giám đốc
- Bà Nguyễn Thị Việt Ngọc	Phó Tổng Giám đốc (Bỏ nhiệm ngày 30/12/2009)

Các thành viên Ban kiểm soát trong suốt giai đoạn tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Trần Chí Hiếu	Trưởng ban kiểm soát
- Ông Tô Hiếu Thuận	Thành viên
- Ông Nguyễn Công Bằng	Thành viên

3. Trụ sở, Công ty con, Công ty liên kết, Chi nhánh, cửa hàng trực thuộc

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại số 70 – 72, đường Đề Thám, phường 2, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Công ty có 2 Công ty con, 2 Công ty liên kết, 4 Chi nhánh:



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU

Địa chỉ: Số 70 – 72, đường Đề Thám, phường 2, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

Các công ty con

Công ty TNHH Một thành viên Bách Việt đặt tại số 102 – 104 Phan Đình Phùng, Phường 2, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau.

Công ty Cổ Phần In Bạc Liêu đặt tại số 160 Hoàng Văn Thụ, Phường 3, Thị xã Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu.

Các công ty liên kết

Công ty Cổ Phần Sách Thiết Bị Cà Mau đặt tại số 26 – 28 Lê Lợi, Phường 2, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Cà Mau đặt tại số 176 Phan Ngọc Hiển, Phường 6, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau.

Các chi nhánh

Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau tại Bạc Liêu được đặt số 82/4, đường Trần Phú, phường 7, Thị xã Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau tại Sóc Trăng được đặt số 268D, lộ Thanh Niên, khu 1, Thị trấn Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau tại TP. HCM được đặt số 43 đường số 6, Cư xá Bình Thới, phường 8, quận 11.

Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau tại Kiên Giang được đặt số 1114 đường Nguyễn Trung Trực, phường An Bình, thành phố Rạch Giá, Kiên Giang.

Ngoài ra, Công ty còn có các cửa hàng trực thuộc trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

4. Hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, hoạt động chính của Công ty là kinh doanh:

- Xăng, dầu (dầu, dầu nhớt), khí hóa lỏng.
- Hàng công nghệ thực phẩm, rượu, bia, thuốc lá điều các loại, nước giải khát.
- Hàng nông sản, thủy hải sản chế biến, thực phẩm các loại, hóa mỹ phẩm các loại, xà phòng các loại, chất tẩy rửa các loại.
- Vật liệu xây dựng, hàng kim khí điện máy, các mặt hàng gia dụng, xe gắn máy, máy nông ngư cơ, phụ tùng xe máy, phụ tùng máy nông ngư cơ, phương tiện phòng cháy chữa cháy.
- Sách giáo khoa, dụng cụ học sinh, dụng cụ văn phòng.

Ngoài ra, Công ty không có hoạt động đáng kể nào ngoài chức năng kinh doanh đã đăng ký.

5. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2010 và kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU

Địa chỉ: Số 70 – 72, đường Đề Thám, phường 2, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

6. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

7. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH BDO Việt Nam đã được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010 của Công ty.

8. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng và đảm bảo Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010 của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

9. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đã được soát xét (dính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty trong giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày.

Cà Mau, ngày 12 tháng 08 năm 2010

THAY MẶT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HĐQT



NGUYỄN THỊ VIỆT ANH

Số: 038B /2010/BCSX-BDO.CT

Cần Thơ, ngày 12 tháng 08 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

về Báo cáo tài chính riêng cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010
của Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau

**Kính gửi: Các thành viên của Hội đồng Quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 30 tháng 06 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính riêng của kỳ tài chính 6 tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010 được trình bày từ trang 5 đến trang 30 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính riêng theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến kiểm toán viên

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.



ĐẶNG THỊ MỸ VÂN
GIÁM ĐỐC
Chứng chỉ KTV số 0173/KTV



PHẠM THỊ NGỌC LIÊN
KIỂM TOÁN VIÊN
Chứng chỉ KTV số 1180/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010	01/01/2010
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		240.921.573.892	275.378.629.299
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	40.736.014.150	43.189.874.688
Tiền	111		40.736.014.150	43.189.874.688
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	10.000.000.000	7.942.393.798
1. Đầu tư ngắn hạn	121		10.000.000.000	7.942.393.798
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5.3	76.837.876.698	51.896.548.716
Phải thu khách hàng	131		76.119.528.865	50.017.303.588
Trả trước cho người bán	132		2.002.886.434	2.575.118.282
Phải thu nội bộ	133		-	-
Các khoản phải thu khác	135		1.789.700.500	2.664.037.523
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(3.074.239.101)	(3.359.910.677)
Hàng tồn kho	140	5.4	104.944.469.472	167.342.266.630
Hàng tồn kho	141		108.943.829.268	172.446.335.497
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.999.359.796)	(5.104.068.867)
Tài sản ngắn hạn khác	150	5.5	8.403.213.572	5.007.545.467
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.108.984.705	161.027.492
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		6.294.228.867	4.846.517.975
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		88.457.668.806	75.281.189.697
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		66.114.053.783	62.171.152.111
Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	35.738.654.731	34.869.745.555
- Nguyên giá	222		63.087.267.410	61.275.506.138
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(27.348.612.679)	(26.405.760.583)
Tài sản cố định vô hình	227	5.7	29.875.399.052	27.301.406.556
- Nguyên giá	228		30.621.265.315	27.921.265.315
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(745.866.263)	(619.858.759)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.8	500.000.000	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.9	21.687.522.780	12.383.040.000
Đầu tư vào công ty con	251		11.859.618.500	6.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		8.341.499.280	4.749.850.000
Đầu tư dài hạn khác	258		1.838.086.200	1.988.086.200
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(351.681.200)	(354.896.200)
Tài sản dài hạn khác	260	5.10	656.092.243	726.997.586
Chi phí trả trước dài hạn	261		656.092.243	726.997.586
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
CỘNG	270		329.379.242.698	350.659.818.996

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	40.359	01/01/2010
NỢ PHẢI TRẢ	300		207.100.869.009	242.544.656.938
Nợ ngắn hạn	310		207.003.826.197	242.542.470.100
Vay và nợ ngắn hạn	311	5.11	40.000.000.000	75.940.000.000
Phải trả người bán	312	5.12	116.652.571.770	114.873.280.916
Người mua trả tiền trước	313	5.12	1.419.559.650	3.960.641.879
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.13	9.953.525.837	8.369.243.223
Phải trả người lao động	315		7.997.348.571	11.076.269.796
Chi phí phải trả	316	5.14	630.874.979	-
Phải trả nội bộ	317		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.15	26.253.548.987	21.731.676.501
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	5.16	4.096.396.403	6.591.357.785
Nợ dài hạn	330		97.042.812	2.186.838
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
Phải trả dài hạn khác	333		-	-
Vay và nợ dài hạn	334		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		97.042.812	2.186.838
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		122.278.373.689	108.115.162.058
Vốn chủ sở hữu	410		122.278.373.689	108.115.162.058
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.17	80.499.860.000	80.499.860.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		1.750.000.000	1.750.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu quỹ	414		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		3.584.768.973	3.584.768.973
Quỹ dự phòng tài chính	418		3.042.384.486	3.042.384.486
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		33.401.360.230	19.238.148.599
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	432		-	-
CỘNG NGUỒN VỐN	440		329.379.242.698	350.659.818.996

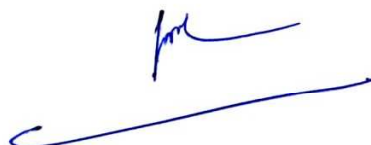
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2010	01/01/2010
Tài sản thuê ngoài			
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
Ngoại tệ các loại			
USD		539,71	539,41
EUR		-	-
AUD		-	-
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHÙ CHÍ ANH

Cà Mau, ngày 12 tháng 08 năm 2010

TỔNG GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THỊ VIỆT ÁNH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	6 Tháng đầu năm 2010	6 Tháng đầu năm 2009
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	1.724.066.281.859	1.355.694.115.077
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10		1.724.066.281.859	1.355.694.115.077
Giá vốn hàng bán	11	6.2	1.669.933.861.571	1.306.709.467.910
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		54.132.420.288	48.984.647.167
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	2.794.606.539	1.653.520.488
Chi phí tài chính	22	6.4	3.035.467.523	505.082.548
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.422.910.342	191.643.491
Chi phí bán hàng	24	6.5	34.996.281.530	32.598.962.895
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	6.639.317.936	4.547.010.805
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)]	30		12.255.959.838	12.987.111.407
Thu nhập khác	31	6.7	7.562.551.281	5.712.054.696
Chi phí khác	32	6.8	650.105.758	15.634.760
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		6.912.445.523	5.696.419.936
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		19.168.405.361	18.683.531.343
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	5.005.193.730	4.663.739.136
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		14.163.211.631	14.019.792.207
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	1.759	2.003

KẾ TOÁN TRƯỞNG



PHÙ CHÍ ANH

Cà Mau, ngày 12 tháng 08 năm 2010

**TỔNG GIÁM ĐỐC**
GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THỊ VIỆT ANH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

Chỉ tiêu	Mã số	6 Tháng đầu năm 2010	6 Tháng đầu năm 2009
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	19.168.405.361	18.683.531.343
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	2.255.487.093	1.809.362.425
Các khoản dự phòng	03	(288.886.576)	11.400.000
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(699.509.037)	(281.179.807)
Chi phí lãi vay	06	2.422.910.342	191.643.491
Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	22.858.407.183	20.414.757.452
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(27.471.984.524)	(11.337.017.637)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	63.502.506.229	21.940.338.653
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(7.335.862.161)	1.905.894.201
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	70.905.343	(1.100.518.580)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(2.359.571.453)	(191.643.491)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(3.310.412.987)	(5.778.560.217)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	2.751.166.000	1.129.674.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(4.983.138.908)	(3.034.469.362)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	43.722.014.722	23.948.455.019
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(6.847.925.614)	(7.576.760.245)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & các tài sản dài hạn khác	22	-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	(150.000.000)	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(6.626.368.500)	(9.000.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	2.942.393.798	2.000.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	678.936.056	281.179.807
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(10.002.964.260)	(14.295.580.438)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	658.105.293.250	357.755.366.177
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(694.045.293.250)	(363.484.355.445)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(232.911.000)	(6.604.498.000)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Ngày 30 tháng 06 năm 2010*Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác*

Chỉ tiêu	Mã số	6 Tháng đầu năm 2010	6 Tháng đầu năm 2009
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(36.172.911.000)	(12.333.487.268)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	(2.453.860.538)	(2.680.612.687)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	43.189.874.688	41.328.435.209
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	40.736.014.150	38.647.822.522

*Cà Mau, ngày 12 tháng 08 năm 2010***KẾ TOÁN TRƯỞNG**



PHÙ CHÍ ANH**GIÁM ĐỐC**



NGUYỄN THỊ VIỆT ÁNH

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU

Địa chỉ: Số 70 – 72, đường Đề Thám, Phường 2, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ Phần Thương Nghiệp Cà Mau là Công ty cổ phần được thành lập từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 637/QĐ-UBND ngày 14 tháng 09 năm 2007 của UBND tỉnh Cà Mau phê duyệt phương án và chuyển Công ty Thương Nghiệp Cà Mau thành công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6103000105 đăng ký lần đầu ngày 01/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 15/01/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, hoạt động chính của Công ty là kinh doanh:

- Xăng dầu (dầu, dầu nhờn), khí hóa lỏng.
- Hàng công nghệ thực phẩm, rượu, bia, thuốc lá điều các loại, nước giải khát;
- Hàng nông sản, thủy hải sản chế biến, thực phẩm các loại, hóa mỹ phẩm các loại, xà phòng các loại, chất tẩy rửa các loại;
- Vật liệu xây dựng, hàng kim khí điện máy, các mặt hàng gia dụng, xe gắn máy, máy nông ngư cơ, phụ tùng xe máy, phụ tùng máy nông ngư cơ, phương tiện phòng cháy chữa cháy;
- Sách giáo khoa, dụng cụ học sinh, dụng cụ văn phòng.

Công ty có trụ sở chính tại số 70 – 72, đường Đề Thám, phường 2, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Công ty có 02 Công ty con, 02 Công ty liên kết, 04 Chi nhánh:

Công ty con:

Công ty TNHH Một thành viên Bách Việt đặt tại số 102 – 104 Phan Đình Phùng, Phường 2, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau.

Công ty Cổ Phần In Bạc Liêu đặt tại số 160 Hoàng Văn Thụ, Phường 3, Thị xã Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu.

Công ty liên kết:

Công ty Cổ Phần Sách Thiết Bị Cà Mau đặt tại số 26 – 28 Lê Lợi, Phường 2, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Cà Mau đặt tại số 176 Phan Ngọc Hiền, Phường 6, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

Các Chi nhánh:

Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau tại Bạc Liêu được đặt tại số 82/4, đường Trần Phú, phường 7, Thị xã Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau tại Sóc Trăng được đặt tại số 268D, lộ Thanh Niên, khu 1, Thị trấn Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau tại TP. HCM được đặt tại số 43 đường số 6, Cư xá Bình Thới, phường 8, quận 11.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU

Địa chỉ: Số 70 – 72, đường Đề Thám, Phường 2, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau tại Kiên Giang được đặt tại số 1114 đường Nguyễn Trung Trực, phường An Bình, thành phố Rạch Giá, Kiên Giang.

Ngoài ra, Công ty còn có các cửa hàng trực thuộc trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Đến ngày 30 tháng 06 năm 2010, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 486 người, trong đó số nhân viên quản lý là 30 người.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

4.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và tiền đang chuyển.

4.2. Các khoản phải thu thương mại, phải thu khác

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác trừ dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán, phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc giai đoạn tài chính, tỷ lệ lập dự phòng là 100%.

4.3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá hàng tồn kho và đảm bảo giá trị được ghi nhận là giá thấp hơn khi so giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho số lỗ ước tính phát sinh khi giá gốc vượt quá giá trị có thể thực hiện được của hàng tồn kho vào ngày kết thúc năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào khoản mục giá vốn hàng bán trong năm tài chính.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU

Địa chỉ: Số 70 – 72, đường Đề Thám, Phường 2, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

4.4. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới TSCĐ được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi TSCĐ được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình và khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với Quyết định số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng ước tính của các tài sản cho mục đích tính toán này như sau:

	Thời gian (năm)
Tài sản cố định hữu hình	
Nhà cửa vật kiến trúc	5 – 50
Máy móc thiết bị	3 – 10
Phương tiện vận tải	6 – 15
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 10
Tài sản cố định vô hình	
Quyền sử dụng đất	20 – 50
Phần mềm kế toán	3

4.5. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư ngắn hạn:

Đầu tư ngắn hạn là các khoản đầu tư có thời hạn thu hồi không quá 12 tháng và được trình bày theo giá gốc.

Các khoản đầu tư dài hạn:

Khoản đầu tư vào Công ty con được ghi nhận khi Công ty nắm quyền kiểm soát trên phương diện tài chính cũng như chính sách hoạt động, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết đối với Công ty này.

Khoản đầu tư vào Công ty liên kết được ghi nhận khi Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết đối với Công ty đó.

Trong báo cáo tài chính này (báo cáo tài chính riêng của Công ty), các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Đầu tư tài chính dài hạn khác:

Đầu tư trái phiếu được trình bày theo giá gốc, với ý định không bán lại trong vòng 12 tháng tính từ ngày của bảng cân đối kế toán. Đầu tư trái phiếu được hạch toán theo giá gốc.

Khoản đầu tư mua chứng khoán tại các tổ chức kinh tế niêm yết hoặc chưa niêm yết, với ý định không bán lại trong vòng 12 tháng tính từ ngày của bảng cân đối kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU

Địa chỉ: Số 70 – 72, đường Đề Thám, Phường 2, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính được lập cho các chứng khoán do doanh nghiệp đầu tư bị giảm giá so với giá đang hạch toán trên sổ sách kế toán tại thời điểm kết thúc năm tài chính, các khoản vốn đầu tư vào các tổ chức kinh tế bị tổn thất do các tổ chức kinh tế bị lỗ.

4.6. Chi phí đi vay và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

4.7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh. Chi phí trả trước được phân bổ theo đường thẳng.

4.8. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Nợ phải trả được ghi nhận khi có đủ điều kiện chắc chắn là Công ty sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại và khoản nợ phải trả đó phải xác định một cách đáng tin cậy.

4.9. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

4.10. Quỹ lương trong năm

Công ty trích quỹ lương trong 6 tháng đầu năm 2010 căn cứ theo biên bản họp của Hội đồng Quản trị ngày 12 tháng 05 năm 2009, tỷ lệ trích là 44,4% trên tổng thu nhập trừ (-) tổng chi phí (không bao gồm chi phí lương).

4.11. Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn

Trong 6 tháng đầu năm 2010, Công ty trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn và bảo hiểm thất nghiệp theo tỷ lệ sau:

Bảo hiểm xã hội trích trên tiền lương đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế vào chi phí là 16% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 6%.

Bảo hiểm y tế được trích trên tiền lương đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế vào chi phí là 3% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 1,5%.

Kinh phí công đoàn được trích trên tổng quỹ lương là 2%.

Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên tiền lương đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế vào chi phí là 1% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 1%.

4.12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu là vốn góp của các cổ đông và được ghi nhận theo mệnh giá.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU

Địa chỉ: Số 70 – 72, đường Đề Thám, Phường 2, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận khi phát sinh chênh lệch tăng/ (giảm) do phát hành cổ phiếu cao/(thấp) hơn mệnh giá.

4.13. Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận tại thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ cho người mua.

Tiền lãi, lợi nhuận được chia được ghi nhận theo nguyên tắc thực thu.

4.14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) trong năm là chi phí thuế TNDN hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Các khoản mục thuế thể hiện trên bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh là tổng số thuế dự kiến phải nộp cho niên độ báo cáo. Khoản sai biệt giữa thuế phải nộp theo sổ sách kế toán của Công ty và số thuế phải nộp khi cơ quan thuế quyết toán (nếu có), sẽ được điều chỉnh khi có kết quả quyết toán thuế.

4.15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên liên quan trong năm được trình bày trong thuyết minh số 7.1.

4.16. Phân loại lại tài khoản

Trong năm 2010 Công ty có tái phân loại một số tài khoản của số dư đầu kỳ cho phù hợp với thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2010 (VND)		01/01/2010 (VND)
Tiền mặt	17.595.211.311		14.608.686.357
Tiền gửi ngân hàng	23.140.802.839	(i)	28.581.188.331
Cộng	40.736.014.150		43.189.874.688

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU

Địa chỉ: Số 70 – 72, đường Đề Thám, Phường 2, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

(i) Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng bao gồm:

	Nguyên tệ	VND
Ngoại tệ(USD)	539,71	8.648.926
Ngân hàng Công Thương – Chi nhánh Cà Mau	539,71	8.648.926
Đồng Việt Nam		23.132.153.913
Ngân hàng Công Thương - Chi nhánh Cà Mau		4.338.116.888
Ngân hàng NN & PTNT – Chi nhánh Cà Mau		4.762.618.077
Ngân hàng Ngoại Thương - Chi nhánh Cà Mau		4.482.168.866
Ngân Hàng Đầu Tư & Phát Triển - Chi nhánh Cà Mau		1.151.927.624
Ngân hàng NN & PTNT - Chi nhánh Ngọc Hiển		156.600
Ngân hàng Công Thương - Chi nhánh Bạc Liêu		1.234.712.351
Ngân hàng NN & PTNT - Chi nhánh Đầm Dơi		832.300
Ngân hàng ngoại thương - Chi nhánh Bình Tây, TP.HCM		9.687.824
Ngân hàng NN & PTNT - Chi nhánh Đông Hải		1.264.248
Ngân hàng NN & PTNT - Chi nhánh Vĩnh Châu, Sóc Trăng		2.226.623
Ngân hàng Nông Nghiệp & PT NT - CHI NHÁNH Cái Nước		1.507.700
Ngân hàng NN & PTNT - Chi nhánh Thới Bình		326.629.648
Ngân hàng Công Thương - Chi nhánh Kiên Giang		2.023.260
Ngân hàng NN & PTNT - Chi nhánh Ngã Năm, Sóc Trăng		1.730.595
Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín- Chi nhánh Cà Mau		4.017.077.465
Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín- Chi nhánh Kiên Giang		515.100.861
Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín- Chi nhánh Năm Căn		29.061.897
Ngân hàng Á Châu – Chi nhánh Cà Mau		371.241.454
Ngân hàng Đông Á – Chi nhánh Cà Mau		113.487.521
Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Chợ Lớn		1.528.320
Ngân hàng Công Thương – Chi nhánh Đông Hải		1.804.906
Ngân hàng TM CP Đại Dương – Chi nhánh Cà Mau		41.977.500
Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Bạc Liêu		1.723.985.484
Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Vĩnh Châu, Sóc Trăng		1.285.901
Tổng		23.140.802.839

5.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	30/06/2010 (VND)	01/01/2010 (VND)
Đầu tư ngắn hạn khác	10.000.000.000 (i)	7.942.393.798
Cộng	10.000.000.000	7.942.393.798

(i) Đây là khoản đầu tư theo hợp đồng hợp tác số 09/HDKT ngày 1 tháng 3 năm 2010 và hợp đồng số 10/HDKT ngày 1 tháng 4 năm 2010 giữa Công ty và Công ty Cổ Phần Duyên Việt cùng hợp tác đầu tư sản xuất, phát hành các loại tập học sinh, và các sản phẩm văn hóa với tổng giá trị hợp đồng là 32.920.000.000, trong đó Công ty đầu tư với số tiền 10.000.000.000 đồng.

Thời hạn góp vốn là 8 tháng. Lợi nhuận được hưởng là 24%/năm. Lợi nhuận được chuyển hàng tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU

Địa chỉ: Số 70 – 72, đường Đề Thám, Phường 2, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

5.3. Phải thu ngắn hạn

	30/06/2010		01/01/2010
	(VND)		(VND)
Phải thu khách hàng	76.119.528.865	(i)	50.017.303.588
Trả trước cho người bán	2.002.886.434	(ii)	2.575.118.282
Các khoản phải thu khác	1.789.700.500	(iii)	2.664.037.523
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(3.074.239.101)	(iv)	(3.359.910.677)
Cộng	76.837.876.698		51.896.548.716

(i) Chi tiết các khoản phải thu khách hàng

	30/06/2010		01/01/2010
	(VND)		(VND)
Phải thu khách hàng mua Xăng dầu	15.364.151.849		4.603.960.127
Phải thu khách hàng mua hàng Bách hóa	36.943.258.449		26.656.225.297
Phải thu khách hàng mua hàng kim khí điện máy (trả góp)	17.252.529.799		14.947.624.340
Phải thu khách hàng mua Vật liệu xây dựng	5.087.558.937		3.349.227.554
Khác	1.472.029.831		460.266.270
Cộng	76.119.528.865		50.017.303.588

(ii) Chi tiết các khoản trả trước cho người bán

	30/06/2010		01/01/2010
	(VND)		(VND)
Trả trước tiền xăng dầu	20.886.762		214.702.571
Trả trước tiền bách hóa	1.499.471.186		1.475.157.948
Mua tài sản	-		855.257.763
Phương tiện vận tải	168.900.000		30.000.000
Thuê mặt bằng	308.000.000		-
Khác	5.628.486		-
Cộng	2.002.886.434		2.575.118.282

(iii) Chi tiết các khoản phải thu khác

	30/06/2010		01/01/2010
	(VND)		(VND)
Ứng vốn cho Công ty TNHH 1 TV Bách Việt	714.490.534		1.800.000.000
Phải thu chi phí cho nhân viên tiếp thị	298.767.215		248.782.500
Giá trị hàng thiếu khi kiểm kê	402.530.078		356.435.898
Giá trị hàng gửi bảo hành	234.168.259		119.804.800
Lãi trái phiếu, cổ phiếu	-		16.936.944
Khác	139.744.414		122.077.381
Cộng	1.789.700.500		2.664.037.523

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU

Địa chỉ: Số 70 – 72, đường Đề Thám, Phường 2, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

(iv) Chi tiết dự phòng phải thu khó đòi

	30/06/2010	01/01/2010
	(VND)	(VND)
Nợ phải thu hàng kim khí điện máy bán trả góp	1.747.082.000	1.903.294.000
Nợ phải thu hàng bách hóa	1.179.196.152	1.299.155.728
Nợ phải thu xăng dầu	131.488.527	140.988.527
Khác	16.472.422	16.472.422
Cộng	3.074.239.101	3.359.910.677

5.4 Hàng tồn kho

	30/06/2010	01/01/2010
	(VND)	(VND)
Hàng mua đang đi đường	8.330.119.677	76.330.965.945
Hàng hóa	100.613.709.591	96.115.369.552
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.999.359.796)	(5.104.068.867)
Cộng	104.944.469.472	167.342.266.630

5.5 Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2010	01/01/2010
	(VND)	(VND)
Thuế GTGT được khấu trừ	2.108.984.705	161.027.492
Tài sản ngắn hạn khác	6.294.228.867	4.846.517.975
Cộng	8.403.213.572	5.007.545.467

(ii) Chi tiết tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2010	01/01/2010
	(VND)	(VND)
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.822.030.125	3.896.236.125
Tạm ứng cho nhân viên	1.472.198.742	950.281.850
Cộng	6.294.228.867	4.846.517.975

Địa chỉ: Số 70 - 72, đường Đề Thám, Phường 2, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: không.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU

Địa chỉ: Số 70 – 72, đường Đề Thám, Phường 2, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

5.7 Tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư tại ngày 01/01/2010	27.072.043.835	849.221.480	27.921.265.315
- Mua trong năm	2.700.000.000	-	2.700.000.000
Số dư tại ngày 30/06/2010	29.772.043.835	849.221.480	30.621.265.315
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư tại ngày 01/01/2010	151.127.397	468.731.362	619.858.759
- Khấu hao trong năm	11.470.588	114.536.916	126.007.504
Số dư tại ngày 30/06/2010	162.597.985	583.268.278	745.866.263
Giá trị còn lại			
Số dư tại ngày 01/01/2010	26.920.916.438	380.490.118	27.301.406.556
Số dư tại ngày 30/06/2010	29.609.445.850	265.953.202	29.875.399.052

5.8 Xây dựng cơ bản dở dang

Khoản mục	30/06/2010 (VND)	01/01/2010 (VND)
Công trình Chi nhánh Công ty Cổ Phần Thương Nghiệp Cà Mau tại Ngã Năm	500.000.000	
Cộng	500.000.000	-

5.9 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Khoản mục	30/06/2010 (VND)	01/01/2010 (VND)
Đầu tư vào Công ty con	11.859.618.500 (i)	6.000.000.000
Đầu tư vào Công ty liên kết	8.341.499.280 (ii)	4.749.850.000
Đầu tư cổ phiếu	1.588.086.200 (iii)	1.588.086.200
Đầu tư Công trái, trái phiếu Chính phủ	250.000.000	400.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(351.681.200) (iv)	(354.896.200)
Cộng	21.687.522.780	12.383.040.000

(i) Chi tiết đầu tư vào Công ty con:

Tên Công ty	Số cổ phần	Số tiền	Tỷ lệ góp vốn
Công ty TNHH Một Thành Viên Bách Việt		6.000.000.000	100%
Công ty Cổ phần In Bạc Liêu	38.527	5.859.618.500	55,03%

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU

Địa chỉ: Số 70 – 72, đường Đề Thám, Phường 2, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

(ii) Chi tiết đầu tư vào Công ty liên kết:

	30/06/2010			01/01/2010		
	VND	Tỷ lệ	Số cp	VND	Tỷ lệ	Số cp
Công ty Cổ phần In Bạc Liêu	-	-	-	4.749.850.000	39%	28.700
Công ty Cổ phần Sách Thiết Bị Cà Mau (*)	3.281.640.000	41%	16.400	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây Dựng Cà Mau (**)	5.059.859.280	31%	28.864	-	-	-
Cộng	8.341.499.280			4.749.850.000		

* Đây là khoản Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Sách Thiết Bị Cà Mau, có trụ sở hoạt động tại số 26 – 28 Lê Lợi, phường 2, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau. Vốn chủ sở hữu của Công ty đầu tư là 4.000.000.000 đồng. Ngành nghề hoạt động là kinh doanh sách giáo dục, thiết bị, vật tư giáo dục; kinh doanh văn phòng phẩm – văn hóa phẩm đồ chơi trẻ em, dụng cụ thể dục thể thao.

** Đây là khoản Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu Tư Và Xây Dựng Cà Mau trụ sở hoạt động tại số 176 Phan Ngọc Hiền, Phường 6, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau. Vốn chủ sở hữu của Công ty đầu tư là 9.035.600.000 đồng. Ngành nghề hoạt động là thi công các loại công trình dân dụng; thi công vỏ bao che các công trình công nghiệp; thi công công trình cơ sở hạ tầng đô thị, các công trình thủy lợi; tư vấn thiết kế, thi công hệ thống phòng cháy chữa cháy; lắp đặt hệ thống chống sét, camera quan sát, hệ thống an ninh cảnh báo.

(iii) Chi tiết đầu tư vào cổ phiếu

Tên Công ty	Số cổ phần	Số tiền (VND)
Công ty Cổ phần Sabeco Sông Hậu	2.150	21.500.000
Công ty Cổ phần Vật Tư Xăng Dầu Petec	30.000	312.000.000
Công ty Cổ phần Cà Phê Petec	43.800	426.000.000
Công ty Cổ phần Thương Mại Cần thơ	3.200	74.880.000
Công ty Cổ phần Xi Măng Hà Tiên 2	21.100	553.706.200
Công ty Cổ phần Kinh Đô	1.830	200.000.000
Cộng		1.588.086.200

(iv) Chi tiết dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Tên Công ty	Dự phòng giảm giá đầu tư năm 2009	Hoàn nhập (trích lập) dự phòng năm 2010	Dự phòng giảm giá đầu tư đến ngày 30/06/2010
Công ty Cổ phần Xi Măng Hà Tiên 2	245.646.200	(2.110.000)	247.756.200
Công ty Cổ phần Kinh Đô	109.250.000	5.325.000	103.925.000
Cộng	354.896.200	3.215.000	351.681.200

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU

Địa chỉ: Số 70 – 72, đường Đề Thám, Phường 2, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

5.10 Tài sản dài hạn khác

	30/06/2010		01/01/2010
	(VND)		(VND)
Chi phí trả trước dài hạn	656.092.243	(i)	726.997.586
Cộng	656.092.243		726.997.586

(i) Chi tiết chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2010
	(VND)
Lợi thế thương mại	354.046.771
Công cụ dụng cụ	302.045.472
Cộng	656.092.243

5.11 Vay và nợ ngắn hạn

	30/06/2010		01/01/2010
	(VND)		(VND)
Vay ngắn hạn	40.000.000.000		75.940.000.000
Ngân hàng Công Thương Cà Mau	-		20.000.000.000
Ngân hàng Ngoại Thương Cà Mau	40.000.000.000	(i)	55.940.000.000
Cộng	40.000.000.000		75.940.000.000

(i) Chi tiết vay ngắn hạn tại ngân hàng Ngoại Thương Cà Mau

Đây là khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Ngoại Thương - CHI NHÁNH Cà Mau, theo hợp đồng tín dụng số: 1299/HĐTD-NHNT ngày 08/06/2010.

Hạn mức vay	:	60.000.000.000
Mục đích vay	:	Bổ sung vốn lưu động
Lãi suất vay	:	14.%/năm
Thời hạn vay	:	02 tháng
Hình thức đảm bảo tiền vay	:	Tín chấp
Số dư nợ đến ngày 30/06/2010	:	40.000.000.000

5.12 Phải trả người bán

	30/06/2010		01/01/2010
	(VND)		(VND)
Phải trả người bán	116.652.571.770	(i)	114.873.280.916
Người mua trả tiền trước	1.419.559.650	(ii)	3.960.641.879
Cộng	118.072.131.420		118.833.922.795

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU

Địa chỉ: Số 70 – 72, đường Đề Thám, Phường 2, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

(i) Chi tiết khoản phải trả người bán

	30/06/2010	01/01/2010
	(VND)	(VND)
Phải trả nhà cung cấp xăng dầu	75.026.594.875	83.415.946.852
Phải trả nhà cung cấp hàng bách hóa	24.261.393.939	19.563.253.638
Khác	17.364.582.956	11.894.080.426
Cộng	116.652.571.770	114.873.280.916

(ii) Chi tiết người mua trả tiền trước

	30/06/2010	01/01/2010
	(VND)	(VND)
Người mua trả trước tiền xăng dầu	341.208.043	3.810.863.956
Khác	1.078.351.607	149.777.923
Cộng	1.419.559.650	3.960.641.879

5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Khoản mục	30/06/2010	01/01/2010
	(VND)	(VND)
Thuế giá trị gia tăng	1.758.131.065	1.874.652.269
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.005.193.730	6.310.412.987
Thuế thu nhập cá nhân	190.201.042	184.177.967
Cộng	9.953.525.837	8.369.243.223

5.14 Chi phí phải trả

	30/06/2010	01/01/2010
	(VND)	(VND)
Chi phí bán hàng	63.150.441	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	19.385.649	-
Chi phí lãi vay	63.338.889	-
Tiền đồng phục	485.000.000	-
Cộng	630.874.979	-

5.15 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

Khoản mục	30/06/2010	01/01/2010
	(VND)	(VND)
Doanh thu chưa thực hiện	4.777.987.421	-
Tài sản thừa chờ giải quyết	310.359.093	-
Kinh phí công đoàn	750.536.101	669.843.840
Bảo hiểm xã hội	36.873.558	98.326.240
Bảo hiểm thất nghiệp	218.088.418	175.106.128
Phải trả về cổ phần hóa	205.655.269	204.905.269
Phải trả, phải nộp khác	19.954.049.127 (i)	20.583.495.024
Cộng	26.253.548.987	21.731.676.501

Thuyết minh này là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính đính kèm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU

Địa chỉ: Số 70 – 72, đường Đề Thám, Phường 2, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

(i) Chi tiết các khoản phải trả, phải nộp khác

Khoản Mục	30/06/2010
	(VND)
Sở Tài chính Cà Mau	14.711.546.417
Đoàn Thanh Niên Công ty TNCM	254.653.151
Ban Giải phóng mặt bằng QL 1A	66.070.350
Tiền đền bù giải tỏa mặt bằng tại Bạc Liêu	219.618.000
Quỹ Công Đoàn Công ty TNCM	697.941.153
Cổ tức phải trả cho cổ đông	3.871.272.200
Trần Thị Phan Thanh Thủy	6.000.000
Đảng bộ Công ty CP Thương Nghiệp Cà Mau	9.300.000
Công ty Cổ Phần TaRa	1.827.000
Lâm Thị Hồng Thắm	58.172.712
Huỳnh Thiện Khả Tú	57.648.144
Cộng	19.954.049.127

5.16 Quỹ khen thưởng phúc lợi

Khoản mục	30/06/2010	01/01/2010
	(VND)	(VND)
Quỹ khen thưởng	99.111.919	612.211.919
Quỹ phúc lợi	3.017.568.015	4.275.111.459
Quỹ thưởng Ban Điều Hành	979.716.469	1.704.034.407
Cộng	4.096.396.403	6.591.357.785

00044/
CƠ
CH NH
ĐO VI
CN.C.
KIẾU

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU

Địa chỉ: Số 70 – 72, đường Đề Thám, Phường 2, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

5.17 Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	70.000.000.000	-	1.361.488.902	2.722.977.805	6.869.291.304	80.953.758.011
Tăng vốn trong năm trước	10.499.860.000	1.750.000.000	-	(2.500.000.000)	(4.499.860.000)	5.250.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	33.617.911.683	33.617.911.683
Trích lập các quỹ	-	-	1.680.895.584	3.361.791.168	(5.042.686.752)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(3.361.791.168)	(3.361.791.168)
Trích lập quỹ thường ban điều hành	-	-	-	-	(1.344.716.468)	(1.344.716.468)
Tạm chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	-	(7.000.000.000)	(7.000.000.000)
Số dư cuối năm trước	80.499.860.000	1.750.000.000	3.042.384.486	3.584.768.973	19.238.148.599	108.115.162.058
Số dư đầu năm nay	80.499.860.000	1.750.000.000	3.042.384.486	3.584.768.973	19.238.148.599	108.115.162.058
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	14.163.211.631	14.163.211.631
Số dư cuối ngày 31/03/2010	80.499.860.000	1.750.000.000	3.042.384.486	3.584.768.973	33.401.360.230	122.278.373.689

Thuyết minh này là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính đính kèm.



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU

Địa chỉ: Số 70 – 72, đường Đề Thám, Phường 2, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6103000105 đăng ký lần đầu ngày 01/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 15/01/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp, vốn điều lệ của Công ty là 80.499.860.000 VND.

Chi tiết vốn góp đến ngày 30/06/2010 như sau:

	30/06/2010	Tỷ lệ	01/01/2010	Tỷ lệ
	(VND)	(%)	(VND)	(%)
Vốn Nhà nước	30.800.000.000	38	30.800.000.000	38
Vốn góp của đối tượng khác:	49.699.860.000	62	49.699.860.000	62
+ Nhà đầu tư chiến lược	20.397.230.000	25	20.397.230.000	25
+ Công nhân viên	10.636.780.000	13	11.076.340.000	14
+ Công đoàn cơ sở	1.920.190.000	2	1.843.540.000	2
+ Cổ đông bên ngoài	16.745.660.000	21	16.382.750.000	20
Cộng	80.499.860.000		80.499.860.000	

Cổ phiếu

	30/06/2010	01/01/2010
	(VND)	(VND)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.049.986	8.049.986
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.049.986	8.049.986
Cổ phiếu phổ thông	8.049.986	8.049.986
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.049.986	8.049.986
Cổ phiếu phổ thông	8.049.986	8.049.986

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Cổ phiếu ưu đãi: Không.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Sáu tháng đầu năm 2010	Sáu tháng đầu năm 2009
	(VND)	(VND)
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.724.066.281.859	1.355.694.115.077
Doanh thu bán xăng dầu	932.901.366.492	723.568.357.563
Doanh thu bán hàng bách hóa	628.322.800.122	466.267.518.063
Doanh thu bán hàng hóa khác	153.355.265.957	155.290.424.665
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.486.849.288	10.567.814.786
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.724.066.281.859	1.355.694.115.077

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU

Địa chỉ: Số 70 – 72, đường Đề Thám, Phường 2, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

6.2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Sáu tháng đầu năm 2010 (VND)	Sáu tháng đầu năm 2009 (VND)
Giá vốn xăng dầu	921.103.571.876	711.157.371.189
Giá vốn hàng bách hóa	604.075.876.542	449.376.692.862
Giá vốn hàng hóa khác	144.754.413.153	146.175.403.859
Cộng	1.669.933.861.571	1.306.709.467.910

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Sáu tháng đầu năm 2010 (VND)	Sáu tháng đầu năm 2009 (VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	245.981.536	245.240.485
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.249.500.840	40.574.800
Lãi bán hàng trả chậm	884.336.500	956.915.000
Chiết khấu thanh toán được hưởng	149.042.139	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	265.745.524	410.790.203
Cộng	2.794.606.539	1.653.520.488

6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	Sáu tháng đầu năm 2010 (VND)	Sáu tháng đầu năm 2009 (VND)
Lãi tiền vay	2.422.910.342	191.643.491
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	5.862.100	1.250.000
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(3.215.000)	11.400.000
Chi phí tài chính khác	609.910.081	300.789.057
Cộng	3.035.467.523	505.082.548

6.5. Chi phí bán hàng

	Sáu tháng đầu năm 2010 (VND)	Sáu tháng đầu năm 2009 (VND)
Chi phí nhân viên	12.113.413.344	8.824.617.863
Chi phí vật liệu, bao bì	443.899.577	259.821.749
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	455.153.819	346.517.884
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.197.936.784	1.759.589.100
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.530.833.152	11.569.065.902
Chi phí bằng tiền khác	11.255.044.854	9.839.350.397
Cộng	34.996.281.530	32.598.962.895

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU

Địa chỉ: Số 70 – 72, đường Đề Thám, Phường 2, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Sáu tháng đầu năm 2010 (VND)	Sáu tháng đầu năm 2009 (VND)
Chi phí nhân viên	4.554.957.904	2.865.118.419
Chi phí vật liệu quản lý	170.512.840	239.092.407
Chi phí khấu hao TSCĐ	57.550.309	49.773.325
Thuế, phí, lệ phí	271.829.862	194.160.258
Trích lập (hoàn nhập) dự phòng	(285.671.576)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	985.679.009	562.855.528
Chi phí bằng tiền khác	884.459.588	636.010.868
Cộng	6.639.317.936	4.547.010.805

6.7. Thu nhập khác

	Sáu tháng đầu năm 2010 (VND)	Sáu tháng đầu năm 2009 (VND)
Thu từ các khoản thưởng, hỗ trợ vận chuyển	6.438.154.982	5.518.229.498
Thanh lý tài sản	649.613.918	-
Thu từ các khoản nợ đã xóa	3.000.000	4.130.000
Thu từ các khoản vi phạm hợp đồng	35.082.000	20.209.000
Thu nhập từ hàng thừa	300.563.673	57.109.122
Thu nhập từ hàng khuyến mãi của nhà cung cấp	136.136.708	107.834.744
Thu nhập khác	-	4.542.332
Cộng	7.562.551.281	5.712.054.696

6.8. Chi phí khác

	Sáu tháng đầu năm 2010 (VND)	Sáu tháng đầu năm 2009 (VND)
Thanh lý TSCĐ	649.536.849	-
Phạt hành chính	500.000	12.000.000
Chi phí khác	68.909	3.634.760
Cộng	650.105.758	15.634.760

6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Sáu tháng đầu năm 2010	Sáu tháng đầu năm 2009
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	19.168.405.361	18.683.531.343
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận kế toán trước thuế để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN		
Các khoản điều chỉnh tăng	1.014.705.613	12.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU

Địa chỉ: Số 70 – 72, đường Đề Thám, Phường 2, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

Thù lao HĐQT, BKS	141.000.000	-
Phạt hành chính	500.000	-
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	792.299.096	-
Chi phí khấu hao chưa có hóa đơn chứng từ đầy đủ	69.435.929	12.000.000
Chi phí khấu hao quyền sử dụng đất	11.470.588	-
Các khoản điều chỉnh giảm	162.336.056	40.574.800
Cổ tức, lợi nhuận được chia	162.336.056	40.574.800
Tổng Thu nhập chịu thuế	20.020.774.918	18.654.956.543
Thuế suất Thuế TNDN hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.005.193.730	4.663.739.136
Lợi nhuận sau thuế TNDN	14.163.211.631	14.019.792.207

6.10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Sáu tháng đầu năm 2010 (VND)	Sáu tháng đầu năm 2009 (VND)
Lợi nhuận phân bổ cho đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	14.163.211.631	14.019.792.207
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	8.049.986	7.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	1.759	2.003

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**7.1 Giao dịch với các bên liên quan****Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau**

	Sáu tháng đầu năm 2010 (VND)
Tiền lương Ban TGD	483.375.000
Tiền thưởng	-
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	138.000.000
Cộng	621.375.000

Giao dịch với các bên liên quan khác

Trong giai đoạn tài chính và tại ngày kết thúc giai đoạn tài chính, bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Một Thành Viên Bách Việt	Công ty con
Công ty Cổ phần In Bạc Liêu	Công ty con
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	Nhà đầu tư
Công ty TMKT và Đầu tư Petec	Nhà đầu tư
Công ty Cổ Phần Sách Thiết Bị Cà Mau	Công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU

Địa chỉ: Số 70 – 72, đường Đề Thám, Phường 2, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

Bên liên quan

Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Cà Mau

Mối quan hệ

Công ty liên kết

Trong giai đoạn tài chính và tại ngày kết thúc giai đoạn tài chính các nghiệp vụ của Công ty với các bên có liên quan như sau:

Bên liên quan	Nghiệp vụ	Số tiền VND
Công ty TNHH Một Thành Viên Bách Việt	Bán hàng bách hóa	6.840.349.253
	Thu hồi tiền cho mượn	1.800.000.000
	Mua hàng	32.322.105.752
Tổng Công ty dầu Việt Nam – Công ty TNHH Một Thành Viên	Mua hàng	258.423.247.227
Công ty TMKT và đầu tư Petec	Mua hàng	389.184.856.521

Vào ngày kết thúc giai đoạn tài chính, các khoản phải thu, phải trả của Công ty với các bên có liên quan được thể hiện như sau:

Bên liên quan	Nội dung	Phải thu / (Phải trả) VND
Công ty TNHH Một Thành Viên Bách Việt	Phải thu tiền hàng	241.850.000
	Phải trả tiền hàng	(703.497.728)
	Cho mượn tiền	(714.490.534)
Tổng Công ty dầu Việt Nam – Công ty TNHH Một Thành Viên	Phải trả tiền hàng	(14.999.565.000)
	Phải trả cổ tức	(1.050.000.000)
Công ty TMKT và đầu tư Petec	Phải trả tiền hàng	(58.847.951.117)
	Phải trả cổ tức	(804.294.000)

Cà Mau, ngày 12 tháng 08 năm 2010

KẾ TOÁN TRƯỞNG**PHÙ CHÍ ANH****TỔNG GIÁM ĐỐC****NGUYỄN THỊ VIỆT ANH**